

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP TIẾNG VIỆT LỚP 2 HỌC KÌ 1

ĐỀ 1

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: *Bím tóc đuôi sam*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 31).

- Đọc đoạn 1 và đoạn 2.
- Trả lời câu hỏi: *Vì sao Hà khóc? Nghe lời thầy, Tuấn đã làm gì?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: *Trên chiếc bè*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 34).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Dé Mèn và Dé Trùi đi chơi xa bằng cách gì?

- a. Đi bằng thuyền.
- b. Đi bằng đôi cánh.
- c. Đi bằng việc ghép ba bốn lá bèo sen lại thành một các bèn.
- d. Tất cả các ý trên.

2. Trên đường đi, các bạn nhìn thấy mấy con vật?

- a. Một.
- b. Hai.
- c. Ba.
- d. Bốn.

3. Những từ ngữ nào chỉ thái độ khâm phục của các con vật đối với Dé Mèn và Dé Trùi?

- a. Bá đạo.
- b. Âu yếm.
- c. Hoan nghênh.
- d. Tất cả các ý trên.

4. Cuộc đi chơi của Dé Mèn và dé Trùi có gì thú vị?

- a. Gặp nhiều cảnh đẹp ở dọc đường.

- b. Mở rộng tầm hiểu biết.
 - c. Được bạn bè hoan nghênh, thán phục.
 - d. Tất cả các ý trên.

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Chính tả (Tập chép): (5 điểm)

Bài viết: *Bím tóc đuôi sam*

Từ “Thầy giáo nhìn bím tóc ... đến em sẽ không khóc nữa”.

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Viết đoạn văn từ 3 đến 4 câu kể về ngôi trường em đang học.

ĐỀ 2**A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)****I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)**

Bài đọc: Chiếc bút mực

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 40).

- Đọc đoạn 1 và đoạn 2.
- Trả lời câu hỏi: *Trong truyện có mấy nhân vật? Họ là ai?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: Cái trống trường em (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 45).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Bạn học sinh xung hô, trò truyện như thế nào với cái trống?

- a. Gọi tên, xung hô và trò chuyện thân mật.
- b. Xung hô trò chuyện không thân mật.
- c. Xem trống như một đồ vật không bổ ích.
- d. Xem trống như món ăn tinh thần.

2. Tìm hai từ chỉ hoạt động của cái trống:

- a. Mừng vui, lặng im.
- b. Ngẫm nghĩ, gọi.
- c. Nghiêng, vui.
- d. Buồn, vang.

3. Tìm hai từ chỉ người có trong bài thơ:

- a. Trống, em.
- b. Trường, gió.
- c. Mình, chúng em.
- d. Giọng, bọn.

4. Vì sao các bạn học trò rất yêu quý cái trống trường

- a. Trống gắn bó với các bạn.
- b. Trống là vật sử dụng có ích trong nhà trường.
- c. Trống là tài sản của nhà trường.
- d. Tất cả các ý trên.

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Chính tả (Nghe – viết): (5 điểm)

Bài viết: Cái trống trường em

(Hai khô tho đầu)

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Viết đoạn văn từ 3 đến 5 câu giới thiệu về trường em hoặc làng (xóm, bản, áp, buôn, sóc, phố) của em.

ĐỀ 3:**A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)****I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)**

Bài đọc: *Mảnh giấy vụn*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 48).

- Đọc đoạn 4.

- Trả lời câu hỏi: *Bạn gái nghe thấy mẩu nói gì?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: *Ngôi trường mới*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 50).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Tác giả tả ngôi trường theo thứ tự nào?

- a. Từ xa đến gần.
- b. Từ gần đến xa.
- c. Từ sáng đến trưa.
- d. Từ trưa đến chiều.

2. Những câu nào tả vẻ đẹp của ngôi trường?

- a. Những mảng tường vàng, ngói đỏ như những cánh hoa láp ló trong cây.
- b. Tường vôi trắng, cánh cửa xanh, bàn ghế xoan đào nổi vân như lụa.
- c. Tất cả đều sáng lên và thơm tho trong nắng mùa thu.
- d. Cả 3 ý trên.

3. Dưới mái trường mới, bạn học sinh cảm thấy có gì mới?

- a. Tiếng trống rung động kéo dài.
- b. Tiếng cô giáo trang nghiêm và ấm áp.
- c. Tiếng đọc bài của em cũng vang vang đến lạ.
- d. Các ý trên đều đúng.

4. Học dưới ngôi trường mới bạn học sinh có những cảm nhận gì?

- a. Nhìn ai cũng thấy thân thương.
- b. Nhìn mọi vật đều thấy thân thương.

- c. Các đồ dùng như chiếc thước kẻ, chiếc bút chì cũng rất đáng yêu.
 - d. Tất cả các ý trên.

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Chính tả (Tập chép): (5 điểm)

Bài viết: *Mẫu giấy vun*

(Từ “*Bỗng một em gái ... đến. Hãy bỏ tôi vào thùng rác!*”)

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Viết đoạn văn từ 3 đến 5 câu giới thiệu về tập thẻ lớp của em.

